

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGA SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 87/BC-UBND

Nga Sơn, ngày 19 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO
Về việc đánh giá các công trình đê điều trước mùa mưa lũ năm 2018

Thực hiện công văn số 498/SNN&PTNT-ĐĐ, ngày 28/02/2018 của Sở Nông nghiệp&PTNT tỉnh Thanh Hóa về việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình đê điều trước lũ năm và xây dựng phương án hộ đê năm 2018.

Để chủ động trong công tác phòng, chống lụt bão đảm bảo an toàn cho hệ thống đê điều trong mùa mưa bão năm 2018 và hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do mưa, bão, lũ gây ra. UBND huyện Nga Sơn đã giao phòng Nông nghiệp&PTNT, UBND các xã có đê kiểm tra, rà soát, đánh giá hiện trạng các công trình đê điều sau lũ. Báo cáo kết quả như sau: (có phụ biểu kèm theo).

UBND huyện Nga Sơn báo cáo đề Chi cục đê điều và PCLB tỉnh tổng hợp. *Stuy 2*

Nơi nhận:

- Chi cục Đê điều&PCLB tỉnh (B/c);
- Lưu: VT, NN&PTNT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Thịnh Văn Huyền

BIỂU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MẶT ĐÈ, ĐƯỜNG HÀNH LANG CHÂN ĐÈ TRƯỚC LÚ NĂM 2018
(Bao gồm cả đê sông, đê biển và đê cửa sông)

TT	Tuyến đê/ Vị trí Km- Km	Chiều dài(m)	Thuộc xã	Chiều rộng	Mặt đê		Hành lang chân đê			
					Kết cấu- hiện trạng	Chiều rộng	Kết cấu	Phía đông		Kết cấu
								Chiều rộng	Kết cấu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
A	Tả sông Lèn	11.390								
1	K20+610- K21+434	824	Nga Thăng	Bđê=6m	Năm 2006 rải cấp phối dày 0,2m; mặt đê hiện tại có nhiều ổ gà.					
2	K21+434- K22+073	639	Nga Lĩnh	Bđê=6m	Năm 2006 rải cấp phối dày 0,2m; mặt đê hiện tại có nhiều ổ gà.					
3	K22+073- K22+266	193	Nga Lĩnh	Bđê=6m	Năm 2008 rải nhựa bán thấm nhập. Mặt đê bình thường					
4	K22+266-K24+00	1734	Nga Lĩnh	Bbt=6m	Năm 2011 đã đổ bê tông mặt đê rộng 6m; dày 0,2m. Tháng 8 năm 2014 mặt bê tông bị nứt nhiều đoạn trong khoảng từ K23+400 đến K23+920, tổng chiều dài vết nứt là 340m; khe nứt rộng từ 0,5 - 3cm. Năm 2016 dự án duy tu đã phá dỡ 3m phía sông đổ lại bê tông mặt đê rộng 3m dày 0,2 m.					
5	K24+00-K25+068	1068	Nga Lĩnh	Bđê=6m	Đổ bê tông mặt đê dày 0,2 m năm 2014. Hiện tại mặt bê tông bình thường.					
6	K25+068- K25+500	432	Nga Lĩnh	Bbt=6m	Năm 2013 đổ BT mặt đê dày 0,20m; rộng 6m. Hiện tại mặt bê tông bình thường					
7	K25+500- K25+800	300	Nga Nhân	Bbt=6m	Năm 2013 đổ BT mặt đê dày 0,20m; rộng 6m. Hiện tại mặt bê tông bình thường					
8	K25+800- K26+900	1100	Nga Thạch	Bbt=6m	Năm 2013 đã đổ BT mặt đê dày 0,20m; rộng 6m. Hiện tại mặt bê tông bình thường					
9	K26+900- K27+918	1018	nt	Bbt=6m	Năm 2013 đã đổ BT mặt đê dày 0,20m; rộng 6m.					
10	K27+918- K30+446	2528	nt	Bnd= 6,5m	Năm 2005 rải nhựa bán thấm nhập B=5,5m. Hiện tại mặt nhựa bình thường					
11	K30+446- K31+296	850	nt	Bđê=6m	Năm 2007 rải cấp phối dày 0,2m. Mặt đê bình thường					
12	K31+296-K32+00	704	Nga Bạch	Bđê=6m	Năm 2009 rải cấp phối dày 0,2m; rộng 6m. Mặt đê bình thường. Riêng đoạn qua cống Hoa tuệ năm 2012 đổ BTông dài 45m; dày 0,2m, rộng 6m.					
B	ĐỀ BIÊN	10.400								
	Đê Nga Sơn									
1	K0+00-K5+300*	5300	Nga Thuỷ	Bđê=6m	Đã đổ bê tông mặt đê từ K0+00 - K5+300. Mặt bê tông rộng 5,0m; hai bên lề mỗi bên rộng 0,5m; bê tông dày 0,2m. Vỡ 2 tấm bê tông KT 2,5x5; Tháng 6/2015, tại KJ+531 xuất hiện vết nứt dài 12m, rộng khe nứt là 5cm; tại K4+798 xuất hiện vết nứt dài 14,8m, rộng 5cm về phía biển; tại K5+296 xuất hiện vết nứt, bê tông là 4cm, dài 7m, nguyên nhân ban đầu được xác định là do dự án đảo kênh phục vụ nuôi trồng thủy hải sản, đắp đất lên mái đê nên thân đê bị lún sâu dẫn đến nứt đê.					

2	K5+300-K6+850	1550	Nga Tân	Mặt đê rộng 6,0m	Đã đổ bê tông mặt đê từ K5+300 - K6+850. Mặt bê tông rộng 5,0m; hai bên lề mỗi bên rộng 0,5m; bê tông dày 0,2m. Xe chạy thi công để biên làm vỡ I số tám bê tông. Tại công T3 vị trí K5+500- K5+550 bê tông bị nứt dọc mặt đê dài 50m rộng 2cm.			
3	K6+850-K9+658	2808	Nga Tiến	Mặt đê rộng 6,0m	Mặt đê chưa được gia cố. Hiện đang trong giai đoạn thi công chưa hoàn thành			
4	K9+658-K10+400	742	Nga Tiến	Mặt đê rộng 6,0m	Năm 2014 thi công xong bê tông mặt đê dày 0,2m M250. Hiện tại mặt bê tông bình thường. Tại K9+500- K9+550 mặt đê nứt dọc dài 50m rộng 5cm, sâu 0,5m.			

BIỂU ĐÁNH GIÁ THÂN ĐỀ, NỀN ĐỀ TRƯỚC LŨ NĂM 2018
Nội dung đánh giá: Mạch đùn, mạch sủi

TT	Vị trí Km - Km	Thuộc xã	Thời gian xuất hiện	Vị trí so với chân đề (m)	Kích thước và mức độ sủi	Từ mục nước nào trở lên thì xuất hiện đùn, sủi	Đã được xử lý	Chưa được xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Tả sông Lèn							
1	K23+250- K23+400	Nga Lĩnh	T10/2017	2	Khi MN lù lên BĐ II đã xảy ra sủi trên cơ đê chiều dài 150m. Đường kính lỗ sủi 30 cm	BĐ II	Đang theo dõi	Địa phương đã xử lý tạm thời trong lũ bằng giăng lọc và tẩm phen rom rạ
2	K22+800	Nga Lĩnh	6/10/2007	2	Khi MN lù lên BĐ II đã xảy ra sủi nước đục 2 lỗ đường kính f 3cm	BĐ II	Đã đắp mở rộng mặt cắt và đắp cơ năm 2008	Địa phương đã xử lý trong lũ bằng tẩm phen rom rạ,
3	K25+400	nt	6/10/2007	5	Sủi nước đục	BĐ II	Năm 2009 đã đắp mở rộng mặt cắt	Địa phương đã xử lý tạm thời trong lũ bằng giăng lọc.
4	K25+500-K25+800	Nga Nhân	T7/1997	5	Khi MN lù lên BĐ II xuất hiện mạch sủi ở ao hồ	BĐ II	Đã lấp hồ năm 2005 lấp đến V(+1.00). Năm 2009 đắp mở rộng mặt cắt. Năm 2011 đắp HTMC và đắp cơ đê Pông cao trình (+3.00)	
5	K25+800-K26+700	Nga Thạch	T7/1997	5	Khi MN lù lên BĐ II xuất hiện mạch sủi ở ao hồ	BĐ II	Đã lấp hồ năm 2005 lấp đến V(+1.00). Năm 2009 đắp mở rộng mặt cắt, đắp cơ đê 2011 đã đắp mở rộng mặt cắt, đắp cơ đê phía đồng đến cao trình (+3,00); làm kè lát tám cầu kiện phía sông từ K25+708 - K26+935	

I Hữu sông Hoạt

K29+500-								
6	K29+800	Nga Thắng	T10/2017	5	Khi MN lù lên BĐ II đã xảy ra sủi trên cơ đê chiều dài 150m. Đường kính lỗ sủi 30 cm	BĐ II	Đang theo dõi	
	K30+870-							
7	K30+950	Ba Đình	T10/2017	7	Khi MN lù lên BĐ II đã xảy ra sủi trên cơ đê chiều dài 150m. Đường kính lỗ sủi 30 cm	BĐ II	Đang theo dõi	

BIỂU ĐÁNH GIÁ THẬN ĐỀ, NỀN ĐỀ TRƯỚC LŨ NĂM 2018
Nội dung đánh giá: Thảm lầy, rò rỉ, sụt trượt

TT	Tuyến đề/Vị trí Km-Km	Thuộc xã	Thời gian xuất hiện	Vị trí xuất hiện so với mặt đề (m)	Kích thước và mức độ thấm lầy, rò rỉ	Mức nước sông khi bị thấm lầy rò rỉ	Đã được xử lý	Chưa được xử lý
I	Tả sông Lèn							
1	K21+600-K21+820	Nga Lĩnh		1/2 Mái đề	Dài 220m, rò rỉ nước trong ở mái đề		Đã đắp đề mở rộng mặt cắt, dự án năm 2006	
2	K21+940-K22+050	Nga Lĩnh		1/2 Mái đề	Dài 110m, rò rỉ nước trong ở mái đề		Đã đắp đề mở rộng mặt cắt, dự án năm 2006	
3	K24+060-K24+650	Nga Lĩnh		1/2 mái đề	Dài 590m, khi MN lũ lên cao làm ướt 1/2 mái đề phía đồng		Đã đắp đề năm 2002	
4	K25+500-K25+750	Nga Nhân	15 giờ ngày 6/10/2007	Chân và mái đề	Dài 250m, trận lũ cơn bão số 5 khi MN lũ lên BĐ III đã rò rỉ nước trong ở cơ và mái đề.	3.60	Năm 2009 đắp HTMC, cấp phối mặt đề. Năm 2011 đã đắp mở rộng mặt cắt, đắp cơ đề phía đồng đến cao trình (+3.00)	Địa phương đã xử lý tạm thời khơi rãnh tập trung nước.
5	K26+200-K27+900	Nga Thạch	17 giờ ngày 6/10/2007	Chân và mái đề	Dài 1700m, trận lũ cơn bão số 5 khi MN lũ lên BĐ III đã rò rỉ nước trong ở cơ và mái đề	3.50	Năm 2009 đắp HTMC K25+068-K27+060. Năm 2011 đã đắp mở rộng mặt cắt, đắp cơ đề phía đồng đến cao trình (+3.00) từ	Đã khơi rãnh tập trung nước.
6	K30+600-K31+296	Nga Thạch	T9/2005	Chân và mái đề	Dài 696m, khi MN lũ lên cao xuất hiện rò rỉ nước trong ở mái	3.10	Năm 2007 đã đắp đề mở rộng mặt cắt	
7	K31+296-K32+00	Nga Bạch	T9/2005	Chân và mái đề	Dài 704m, khi MN lũ lên cao xuất hiện rò rỉ nước trong ở mái	3.10	Năm 2007 đã đắp đề mở rộng mặt cắt	
II	Hữu sông Hoạt							
1	K29+500-K29+800	Nga Thăng	T10/2017	Trần đề	Dài 300m			
2	K33+800-K34+100	Ba Đình	T10/2017	trần, sụt thân và mái đề	Dài 300m			
3	K38+700-K39+500	Nga Vĩnh	T10/2017	trần đề	Dài 800m			

BIỂU ĐÁNH GIÁ THÂN ĐỀ, NỀN ĐỀ SAU LỬ 2017
HỆ THỐNG ĐỀ CẤP III - HUYỆN NGA SON TỈNH THANH HOÁ
Nội dung đánh giá: (Nền, sạt trượt)

TT	Tuyến đề/Vị trí (Km-Km)	Thuộc xã	Thời gian xuất hiện	Vị trí xuất hiện	Kích thước và mức độ nứt, sạt trượt	Đã được xử lý	Chưa được xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tả sông Lèn						
3	K21+600-K21+725	Nga Lĩnh	Năm 1996 đến nay	Mép sạt cách mặt đề phía sông 2m	Đài 125m, sạt lở sâu vào 1/2 mái đề, mép sạt cách mặt đề 2m, khối sạt sâu 3m	Năm 2006 đề đã được đắp mở rộng mặt cắt về phía đông và bạt mái đề phía sông.	T3/2011 xuất hiện thêm 1 vết sạt (K21+693-K21+700) dài 7m; h=1,2m; b=1,5m, cách mặt
4	K22+080-K22+200	Nga Lĩnh	Năm 1996 đến nay	Mép sạt cách mặt đề phía sông 2m	Đài 120m, sạt lở sâu vào 1/2 mái đề, mép sạt cách mặt đề 2-3m, khối sạt sâu 3m	Đã làm kè mái cầu kiện BTDS năm 2011	
5	K26+718,4-K26+776	Nga Thạch	8/2009 và tháng 3/2011	Mép sạt cách mặt đề mới 6,1m	Kè sạt 3 đoạn dài 57,6m; bsạt: 1,7-5,0m; hsạt: 1,3-1,7m; mép sạt cách mặt đề 6,4-7,4m	Hiện tại đoạn này dự án riêng đã được làm kè lát mái cầu kiện từ K25+708 - K26+935 năm 2011 - 2012	
6	K30+446-K32+00	Nga Thạch+nga Bạch	T9/2005	Từ mặt đề xuống V(+2.80)	bào số 7 (T9/2005) mái Psông từ V(+2.80) đến mặt đề bị sạt, có đoạn sạt sâu vào mái đề 1m; cao 1,2m; chân đề phía đông sạt lở đứng thành h=1m, từ K30+860-K31+230	Năm 2007 đã đắp mở rộng mặt cắt rải cấp phối mặt đề từ K30+446-K32+00	

BIỂU ĐÁNH GIÁ THÂN ĐỀ, NỀN ĐỀ TRƯỚC LÚ NĂM 2018
 Nội dung đánh giá: Đâm, ao ven chân đê chưa được lấp

TT	Tuyến đê/Vị trí ao hồ (Km-Km)	Tên ao hồ	Thuộc xã	ở phía sông (cách chân đê m)	ở phía đồng (cách chân đê m)	Chiều rộng đầm, ao (m)	Chiều sâu đâm, ao (m)	Ghi chú (đã được lấp năm nào, chiều dài, chiều rộng san lấp...)
1	Tả sông Lèn K20+722-K20+765	Ao ông Trì	Nga Thăng		0	200	0,8 m	
2	K20+975-K21+000	Ao ông Dế	Nga Thăng		3	20	0,85 m	
3	K21+635-K21+760	Ao nhà Huy, Tâm, Chiến, Chấn	Nga Lĩnh		0	20	0,9m	
4	K21+915-K22+065	Ao nuôi cá	Nga Lĩnh		0	60	0,9m	
5	K22+280-K22+440	Ao nhà Ô Thiên	Nga Lĩnh		0	30	0,95m	
6	K25+130-K25+290	Ao nhà Ô Tuấn Anh	Nga Lĩnh		2	30	1,5m	
7	K25+680-K25+702	Ao nuôi cá	Nga Nhân		0	40	0,97m	
8	K25+730-K25+835	Ao nuôi cá	Nga Nhân		0	22	0,97m	
9	K26+865-K26+935	Ao của Trang Trại	Nga Thạch		0	50	0,8m	
10	K27+545-K27+615	Ao nuôi cá	Nga Thạch		0	30	1,0m	
11	K28+533-K28+613	Ao nhà Ô Khoa	Nga Thạch		0	100	1,3m	
12	K29+613-K30+003	Ao nhà Ô Tuấn	Nga Thạch		0	80	1,2m	
13	K30+860-K31+230	Ao nhà Huy Tài	Nga Thạch		0	40	0,8m	

BIỂU ĐÁNH GIÁ THÂN ĐỀ, NỀN ĐỀ TRƯỚC LỬ NĂM 2018
 Nội dung đánh giá: Đề có nhiều lỗi mới

TT	Tuyến đề/Vị trí Km-Km	Thuộc xã	Vị trí so với mặt đê	Đã được xử lý thường xuyên (nêu rõ biện pháp xử lý theo truyền thống hay sử dụng phương pháp dùng ra đa xuyên đất để phát hiện)	Chưa được xử lý
	Tả sông Lèn			Không có	

BIỂU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG ĐIỂM CANH ĐÈ TRƯỚC LŨ NĂM 2018

TT	Tuyến đê/Vị trí Km	Thuộc xã	Năm xây dựng	Quy mô kết cấu	Hiện trạng điểm canh đê
A	Tả sông Lèn				
1	K25+688	Nga Nhân	2011, 2012	Đồ 4 trụ cao bằng mặt đê đất (5.00), đổ sàn nền điểm bằng mặt đê đổ bê tông (+5.40). Tường xây gạch dày 0,22;, trần đổ BTCT dày 0,1m; Gồm 4 cửa số, 2 cửa đi bằng Pa nô gỗ; KT: Rộng 4,25m; dài 7,25m; cao 3,5m	Điểm mới được làm lại cách vị trí điểm cũ về phía thượng lưu 5m, Đã nghiệm thu bàn giao năm 2013
2	K26+609	Nga Thạch	2011, 2012	Đồ 4 trụ cao bằng mặt đê đất (5.00), đổ sàn nền điểm bằng mặt đê đổ bê tông (+5.40). Tường xây gạch dày 0,22;, trần đổ BTCT dày 0,1m; Gồm 4 cửa số, 2 cửa đi bằng Pa nô gỗ; KT: Rộng 4,25m; dài 7,25m; cao 3,5m	Điểm mới được làm lại cách vị trí điểm cũ về phía thượng lưu 30m, Đã nghiệm thu bàn giao năm 2013
B	Đê Biền				
1	K8+920	Nga Tiến	2012	Đồ 4 trụ cao bằng mặt đê đất đến CT (+4.50), đổ sàn nền điểm bằng mặt đê đổ bê tông (+4.50). Tường xây gạch dày 0,22;, trần đổ BTCT dày 0,1m; Gồm 4 cửa số, 2 cửa đi bằng Pa nô gỗ; KT: Rộng 4,25m; dài 7,3m; cao 3,5m	Hiện trạng bình thường

BIỂU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CỬA KHÁU TRƯỚC LŨ NĂM 2018

TT	Tên cửa khẩu	Tuyến đê	Vị trí (Km - Km)	Thuộc xã	Hình thức-kết cấu	Hiện trạng -cửa khẩu	Tình trạng phai	Đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, vận hành trong mùa lũ

không có

BIỂU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KÈ TRƯỚC LÚ NĂM 2018

TT	Tuyến đê/Tên kè	Vị trí đê sát sông (Km-Km)	Vị trí kè (Km-Km)	Loại kè	năm XD	Chỉ tiêu KT kè mố					Chỉ tiêu KT kè mái					Kết cấu	Hiện trạng (nếu rõ kè nào đang bị hư hỏng, nêu rõ hiện trạng, nguyên nhân; dự kiến sự cố xảy ra)
						Mố số	L thân	CT góc	CT mũ	mái mũ	CT đỉnh	m kê	CT. cơ	B cơ	m cơ		
A ĐÊ SÔNG, ĐÊ CỬA SÔNG																	
Tả S.Lên																	
1	Kè Nga Thắng	K21+090- K21+300	K21+090- K21+300	Lát mái	2002						3.00	2.0	1.00	2.0	1.5	Kè lát bằng đá học dày 30cm. Đá dăm 6cm, trải vải lọc ở phía dưới mái và dưới cơ tới cao trình mực nước kiệt, cơ đá bằng đá học thả rói, mặt cơ lát đá dày 30cm mái cơ 2/1. B.cơ = 5m	Mái cơ sắt lờ dài 50m K2,140-K21,190 sắt (0,3-0,5)m, mái cơ lóc lờ không còn mái, mái kè bị lóc lờ lớn sứt 7 ó S=8m2, khoá kè bị nứt gãy 4 khoá vết nứt rộng từ 2-7cm, rãnh thoát nước bị nứt gãy 2 rãnh, vết nứt rộng. Hiện chưa có kè bảo vệ. Dòng chủ lưu sắt bờ, sắt lờ đứng thành chân đê phía sông 1 đoạn dài 7m, cách mặt đê 6m, b=1,5, h=1,2m.
2	Kè Báo Văn	K22+073 - K22+223	K22+073 - K22+223	Lát mái	2011						3.50	2.0	0.00	5.0	2.0	Lát cấu kiện bê tông đúc sẵn. Đồ dầm khung trống có đến cao trình (+4.61); cơ bằng đá học thả rói.	Hiện tại kè ổn định.
4	Kè Quai Sĩ, Thanh Lãng	K25+708- K26+935	K25+708- K26+935	nt	2011 2012						5.00	2.50	0.5	5.70- 11.85	2.0	Kè lát cấu kiện bê tông đúc sẵn + Lục lăng trống có từ (+3.8) - (+5.0); cơ bằng đá thả rói	Hiện tại kè ổn định.
5	Kè Hậu Trạch	K29+143- K29+633	K29+143- K29+633	nt	2011						1.50	2.5	0.0	5 - 8m	2,25	Lát cấu kiện bê tông đúc sẵn, KT (40x40x16)cm; cơ kè bằng đá thả rói	Hiện tại kè ổn định.
6	Kè Nga Bạch	Kè bãi (Đoạn không có đê)	Kè bãi (Đoạn không có đê)	đất 937m	1998						1,6	3	-0,5	2		Kè lát bằng đá học dày 30cm. Đá dăm 6cm, trải vải lọc ở phía dưới mái và dưới cơ tới cao trình mực nước kiệt, cơ đá bằng đá học thả rói, mặt cơ lát đá dày 30cm; mái cơ 2/1. B.cơ = 5m	
B ĐÊ BIỂN																	
Đê biển Nga Sơn																	
1	Kè biển Nga Thủy	K0+400- K3+871	K0+400- K3+871	Lát mái	2010 2011						4,50	4,0	0,50	1,0	0,0	Kè lát cấu kiện BT, KT (0,4x0,4x0,18); dầm bằng BT thường, BTCT, KT dầm (0,3x0,4), cơ bằng ống puy, đường kính 1m, cao 1m	Kè đê thi công xong. Đã được nghiệm thu bàn giao năm 2013, hiện tại kè ổn định
2	Kè biển Nga Tiến	K6+658- K10+400	K6+658- K10+400	Lát mái	2013 2014						4,50	3,0	0	3	1	Lát CKBT (0,4x0,4x0,16); dầm bằng BT thường, BTCT, chân khay rộng 3m bằng đá xếp, mái 1,0 KT dầm (0,3x0,5), lót vải lọc và rải đá 1x2 dày 10cm	Hiện tại đê lát mái đến cao trình +4.00; đang thi công

BIỂU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÔNG ĐUỐI ĐỀ TRƯỚC LŨ 2018

TT	Tuyến đề/Tên công	Vị trí Km	Thuộc xã	Năm xây dựng	Nhiệm vụ công	Hình thức công	Số cửa công	Kích thước (b*h*L)	Cao trình đáy công	Cao trình đỉnh đề	Hình thức đòng mở	Kết cấu	Hiện trạng công	Giải pháp kỹ thuật
A ĐỀ SÔNG, ĐỀ CỬA SÔNG														
Tả sông Lèn														
1	Nga Tháng I	K21+230	Nga Tháng	1978	Tươi	Hộp		1,0*1,5*17,0	0.55	5.00	V2	Đá xây chít mạch	Đã hoành triệt tạm, mùa lũ nước vẫn thấm lậu sang phía đồng	Hoành triệt
2	Nga Tháng II	K21+339	Nga Tháng	1978	Tiêu	Hộp		1,0*1,0*5,0	3.00	5.00	V2	Đá xây chít mạch	Đã hoành triệt tạm, mùa lũ nước vẫn thấm lậu sang phía đồng Công sử dụng vận hành được, nhưng có hiện tượng rò mang công, sản hạ lưu bị xói sâu, tháng 1/2008 XNTN Nga Sơn đã thay ô khoá V5 bằng hệ thống tời điện VD10. Tương cánh phía sông bên Tả bị nứt cách tường đầu 4,5m vết nứt rộng từ 1-3cm. Tường cánh phía đồng bên Hữu bị nứt gãy 2 vết rộng 3mm cách tường đầu 2m. Ngày 17/2/2009 XNTN đã làm lại cầu vào dân công tác	Hoành triệt
3	Vân Tháng	K21+434	Nga Tháng	1976	Tiêu	Hộp	2	1,8*1,8*16,5	-1.50	5.33	VD10	BTCT	Sản tiêu nâng hồng, hồ xói KT (6*5*1)m; Cánh cửa + ô khoá vận hành Hoành triệt tháng 6/1997 Công sử dụng vận hành bình thường, có phai gỗ. Năm 2008 do đập để nên bậc lên xuống phía đồng bị lấp mất, bậc lên xuống phía sông bị nứt gãy 0,5m. Năm 2015 đã thay mới ô khóa V3.	Sửa chữa
4	TB Nga Sơn II	K21+506	Nga Lĩnh	1982	Tiêu	Hộp		1,5*2,65*4,5	1.72	5.29	V5	nt	Công hoạt động tốt ổn định.	
5	Mục Bài	K22+402	Nga Lĩnh											
6	Hội Ké	K22+704	Nga Lĩnh	2002	KH	Hộp	1	1,2*1,2*23,27	-0.20	5.20	V3	BTCT	Được làm mới năm 2015, công hoạt động tốt	
7	Giải Huán	K24+033	Nga Lĩnh	2016	KH	Hộp	1	1,2x1,6x2 0,66	-0.30	5.20	V3	BTCT	Hiện tại công ổn định, cửa ra công bị bồi lắng, có phai dự phòng.	
8	Hội Đò	K25+031	Nga Lĩnh	2015	KH	Hộp	1	1,2x1,6x19,6	0.3	5.20	V5	Bê tông cốt thép	Hiện tại công ổn định, cửa ra công bị bồi lắng.	
9	Quai Sĩ	K25+708	Nga Nhân	2012	Tiêu	Hộp	1	2,0*2,5*23,1	-0.50	5.20	V5	B1CT, trần công, tường thân, bản đáy dày 0,3m	Cánh cửa ô khoá vận hành bình thường, còn 7 tấm phai B1CT KT: dài 1,46m; rộng 25cm; dày 8cm. Bê tông mặt để bị hư hỏng, lan can cầu bằng thép ống bị đập phá mất hàng trên, năm 2011 dự án riêng đã đổ cao thêm tường ngực, tường đầu 0,75m; làm lại sân, tường cánh, tường quay và kènh phía đồng.	
10	Thanh Lãng I	K26+566	Nga Thạch	2011 2012	Tiêu	Hộp	1	2,0*2,5*23,2	- 0.50	5.20	V5	B1CT, trần công, tường thân, bản đáy dày 0,3m	Công sử dụng vận hành bình thường.	
11	Thanh Lãng II	K26+935	Nga Thạch	2003	Tiêu	Hộp	1	1,3*1,6*20,2	0.00	4.93	V3	BTCT	Công sử dụng vận hành bình thường.	
12	Thanh Lãng III	K28+398	Nga Thạch	2005	Tiêu	Hộp	1	2,0*2,0*12,7	0.16	4.00	V5	BTCT		

13	Hậu Trạch I	K29+643	Nga Thạch	2005 2009	Tiêu	Hộp	1	1,9*2,74* 19,2	-0,74	3,80	V5	BTCT	Cống làm xong tháng 12/2009 phần nổi dài 8,6m về phía sông và lấp ở kho V5. Công có 34 con BTCT KT(2,04*0,2*0,07)m, công vận hành bình thường. Cánh cửa bị hạn chế. Thiết bị đóng mở sử dụng vận hành bình thường, không có phai dự trữ. Công bị lũng mang, tường cánh phía sông bên hữu giáp tường đầu bị thủng 1 lỗ 18 cách đỉnh tường đầu 2,15m. Không có lan cầu công tác	Sửa chữa
14	Hậu Trạch II	K30+105	Nga Thạch	1958	Tiêu	Hộp	2	1,85*1,9* 12,2	-0,18	4,00	V5	Tường bằng đá xây, tấm nắp bằng bê tông	Làm mới	
15	TB tưới	K30+635	Nga Thạch	2007	Tưới	Tròn		0,5*10,0	2,30	4,00	V0	BTCT	Cống sử dụng vận hành bình thường, có phai dự trữ	Làm mới
16	Phương Phú	K30+829	Nga Thạch	1953	Tưới	Hộp	1	1,45*2,2* 14,0	-0,50	4,00	V3	Tường bằng đá xây, tấm nắp bằng bê tông	Làm mới	
17	Bảy Mẫu	K31+516	Nga Bạch	1994	Tưới + tiêu	Hộp	1	1,12*2,0* 7,8	0,53	4,00	V2	Tường bằng gạch xây, tấm nắp bằng bê tông	Làm mới	
18	Hoa Tuệ	K31+946	Nga Bạch	2012	Tiêu	Hộp	3	1,4*1,6* 16,0	-0,10	+3,80	V5	Bê tông cốt thép	Cống ổn định. Năm 2017 kẹt ở khóa, đã tu sửa T7/2017	Làm mới
B	ĐỀ BIẾN													
I	Đề biến Nga Sơn													
1	Hoàng Long I	K0+500	Nga Thủy	1962	KH	Hộp	2	1,3*1,9 *15,0	0,40	4,50	V2, V3	Thân và đáy công bằng đá xây, nắp bằng bê tông.	Nứt ngang thân công (2-3)mm từ tường đầu thường lưu đến vết nứt 7,6m. Cánh cửa + ôit khóa vận hành bình thường, không có phai dự trữ. Hèm phai phía sông bằng sắt bị hạn chế. Năm 2011 dự án riêng đã đổ bê tông tường chắn đất hai bên mang công, tường ngược phía sông cao lên đến đỉnh đê. Năm 2014 sửa đân công tác làm mới cánh cửa công lấp ô	

2	Hoàng Long II	K2+471	Nga Thủy	1965	KH	Vòm	1	2,5*2,8 *9,8	-1,00	4,50	VD10	Nắp bằng bê tông tường thân bằng đá xây	Tường ngực P. sông xây cao thêm 1,5m; P. đồng xây cao thêm 0,8m. Năm 2011 làm dàn đóng mở, bậc lên xuống, lắp ô khóa VD10, cách cửa ô khóa, ty cửa vận hành bình thường. Đa lát bảo vệ mái kênh thượng lưu bị lốc lở 2 bên đầu dài 2m = 8m ² . Tẩm lát bê tông phía sông lún sụt KT (1,5*0,7)m. Năm 2011 mới sửa lại lan can cầu công tác, lan can bậc lên xuống. Tai bu ly ngoài cấp bị han rỉ, cấp quay bị đứt, Tường thân, cửa bị hầu bám. Có 8 tấm phai dự trữ KT (0,4*2,7*0,1)m. Bê tông mặt đề tại công bị vỡ 2 tấm kích thước Cánh cửa hạ lưu phía biên không có ty. Khe lún tường đầu và tường cánh phía biên nứt hở 15cm, cánh hạ lưu mục thủng KT (0,3*0,6)m. Không có phai dự trữ. Làm mới dàn đóng mở phía đồng, thanh chống tường ngực phía biên bị gãy, tường đầu bên Tả phía sông nứt dọc dài 2,5m vết nứt rộng (1-2)cm cách tường đầu 1,5m, tường ngực phía đồng nứt ngang rộng (1-1,5)cm cách tường ngực 0,4m, khe lún phía đồng lún hở (3-5)cm. Lan can cầu công tác phía sông hư hỏng. Cánh cửa ô khóa vận hành bình thường. BT mặt đề tại công vỡ 2 tấm.	Sửa lại hệ thống đóng mở
3	Cống T4	K3+871	Nga Thủy	1999	KH	Hộp	2	2,5*3,0 *12,0	-1,20	4,50	Đóng mở bằng cấp quay	BTCT M250, bản đáy dày 0,4m; tẩm nắp dày 0,3m; tường thân dày 0,3m		
4	Cống T3	K5+486	Nga Tân	1985	KH	Hộp	1	3,15*4,6 *10,3	-1,75	4,50	VD10	Bê tông		
5	Cống T2	K6+118	Nga Tân	1993	KH	Hộp	3	1,6*2,2 *11,8	-1,85	4,50	Ba lạng xích + phai gỗ	nt	Đã hoàn thiện	Sửa chữa
6	Mộng Giường II	K6+850	Nga Tiến	2006	KH	Hộp	3	4,0*7,2 *22,0	-2,00	5,20	Tời điện VD20	BTCT	Cống bình thường. Nhà đề phai bị lún nghiêng	
7	Tiến Giáp (cống Xuân Mai)	K7+575	Nga Tiến	2013	KH	Hộp	1	2,0x 2,5x 21	-0,70	4,0	V5	Bê tông	Cống mới, ổn định nhưng chưa qua thử thách lũ lớn. Hiện dàn công tác bị nứt.	
8	Tiến Thành	K8+950	Nga Tiến	2012	KH	Hộp	1	2,0*2,5* 21,0	-0,70	4,0	V5	BTCT	Cống xây dựng năm 2012. Hiện tại công ổn định. Chưa nghiệm thu bản giao.	Điểm canh để hông cửa số, cửa chính.
9	Tiến An	K9+580	Nga Tiến	2011	KH	Hộp	2	2,0*2,5* 21,0	-1,00	4,3	V5	BTCT M250, Đáy cống dày 0,35m; tường thân, nắp công đáy 0,30m	Cống ổn định. Chưa thử thách qua lũ lớn.	

BIỂU ĐÁNH GIÁ ĐỀ BỎI TRƯỚC LÚ NĂM 2018

TT	Tuyến đề TÁ SÔNG LÈN (Đê Nga Thạch)	Vị trí Km - Km K0+000-K3+000	Tương ứng với Km đề Chính K27+918	Thuộc xã Nga Thạch	Cao trình 3.50	Hệ số mái		Hiện trạng mặt đề bời (nếu rõ chiều rộng mặt và mật đề đã được gia cố chưa)	Diện tích, số dân bồi bảo vệ Bảo vệ 100 ha lúa và ao nuôi trồng thủy sản	Khả năng đảm bảo an toàn ở mức BĐ II (cao +2.60m)
						P.sông 2.0	P.đồng 2.0			
1								Bmặt: 3 - 4m; mật đề rải cấp phối. Hiện tại mặt đề bình thường.		